TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3** TỈNH TÂY NINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 462/2025/DS-ST
Ngày: 17-11-2025
V/v "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHU VỰC 3 – TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Thức.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Chí Lin.
2. Bà: Trần Thị Đổi.

Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Bình Em – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh.

Ngày 17/11/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 235/2025/TLST-DS, ngày 10 tháng 10 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 551/2024/QĐST-DS ngày 10/11/2025, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ông Phạm Tuấn K, sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp T, xã Hòa Kh, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp G, xã Nhơn Hòa Lập, tỉnh Tây Ninh.

Theo văn bản ủy quyền ngày 30/9/2025.

2. *Bị đơn*: Bà Huỳnh Kim A, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Số 250, ấp Gò C, xã H, tỉnh Tây Ninh.

(ông T, bà A có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/9/2025 của nguyên đơn và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Giữa ông K và bà A là chỗ quen biết. Vào ngày 23/02/2024 ông K có cho bà A vay số tiền 1.800.000.000 đồng, mục đích để bà A đáo hạn ngân hàng, lãi suất thỏa thuận, thời hạn vay là 30 ngày kể từ ngày 23/02/2024 đến ngày

23/3/2024. Sau đó đến ngày 06/5/2024 bà A có trả được số nợ gốc 1.400.000.000 đồng còn nợ lại 400.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Nay ông K khởi kiện yêu cầu bà A phải trả số nợ gốc còn lại là 400.000.000 đồng. Đồng thời yêu cầu bà A trả thêm tiền lãi suất phát sinh từ ngày 07/5/2024 đến nay với mức lãi suất 10%/năm. Được tính như sau: nợ gốc 400.000.000 đồng x lãi suất 0.83%/tháng x 18 tháng, 10 ngày, thành tiền 60.866.667 đồng.

Ý kiến của bà A trình bày: xác nhận có ký tên trong giấy vay tiền do ông K cung cấp, số tiền vay của ông K là 1.800.000.000 đồng, mục đích vay để đáo hạn ngân hàng, sau đó bà có trả được cho ông Cảnh 01 tỷ đồng, còn nợ lại theo theo giấy nợ là 800.000.000 đồng. Quá trình vay, bà có trả tiền lãi cho ông K với số tiền lãi là 7.200.000 đồng/ngày x 08 ngày= 57.600.000đồng. Đến ngày 06/5/2024, bà có trả được số nợ gốc 400.000.000 đồng còn nợ lại số tiền gốc là 400.000.000 đồng, bà có trả được tiền lãi 3.200.000đồng/ngày x 12 ngày = 38.400.000 đồng thì không có khả năng trả lãi nữa cho đến nay.

Nay ông K yêu cầu bà trả số nợ trên, bà đồng ý nhưng xin trả dần nợ gốc cứ mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ; không đồng ý trả lãi suất vì hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn.

Ý kiến của ông Thiệt: sau thời điểm cho vay 1.800.000.000 đồng thì bà A chỉ trả được nợ gốc 01 tỷ đồng, còn nợ lại 800.000.000 đồng nên hai bên mới lập giấy nợ. Sau khi bà A trả tiếp số nợ 400.000.000 đồng, còn lại tiền nợ gốc 400.000.000 đồng, thời gian này thì bà A chỉ trả được số tiền lãi 5.000.000 đồng. Ông đại diện theo ủy quyền của ông K không đồng ý với đề nghị của bà A và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại phiên tòa, ông Thiệt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không bổ sung ý kiến gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng,*

[1.1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*:

Về quan hệ tranh chấp: Ông Phạm Tuấn K tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Huỳnh Kim A. Quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Bà A hiện đang cư trú tại ấp Gò Cao, xã Hậu Nghĩa, tỉnh Tây Ninh, theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Tây Ninh, thời hiệu khởi kiện còn trong hạn luật định.

[1.2]. *Về pháp luật áp dụng*: Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung*:

Qua tài liệu, chứng cứ đương sự giao nộp, lời trình bày của đương sự.

Thấy rằng, giữa ông K và bà A có quan hệ quen biết nhau, bà A có nhu cầu vay vốn nên có vay tiền của ông K tổng số tiền vay là 1.800.000.0000 đồng, sau đó bà A có trả được nợ gốc là 1.400.000.000 đồng còn nợ lại 400.000.000 đồng và được phía ông K thừa nhận. Đây là các tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà A cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất, tổng số tiền lãi suất phải trả cho ông K là 96.000.0000 đồng, ngược lại ông Thiệt đại diện theo ủy quyền của ông K cho rằng thỏa thuận lãi suất phải trả là 2%/tháng cho mỗi lần vay nhưng quá trình vay, bà A chỉ chuyển khoản và thanh toán 01 lần tiền lãi là 5.000.000 đồng. Bà A không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét.

Việc bà A xin trả dần số nợ trên mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý. Do vậy, Hội đồng xét xử buộc bà Huỳnh Kim A phải thanh toán cho ông Phạm Tuấn K số nợ gốc 400.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận.

Về lãi suất chậm thanh toán: Ông K khởi kiện yêu cầu bà A còn phải trả thêm tiền lãi phát sinh do vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Thấy rằng, việc bà A không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông K nên bà A còn phải trả thêm khoản tiền lãi suất chậm trả, phát sinh kể từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến thời điểm xét xư sơ thẩm là phù hợp. Tuy nhiên, do các bên đương sự không thống nhất nhau về mức lãi suất sau thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ, cụ thể: bà A không đồng ý trả lãi chậm thanh toán nên Hội đồng xét xử áp dụng mức lãi suất 10%/năm (tức 0,83%/tháng) tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày xét xử sơ thẩm là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Cụ thể mức lãi suất chậm thanh toán được tính như sau: nợ gốc 400.000.000 đồng x lãi suất 0.83%/tháng x 18 tháng 10 ngày, thành tiền 60.866.667 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý khấu trừ số tiền 5.000.000 đồng mà bà A đã trả lãi cho ông K trước đây là có lợi cho bà A nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Như vậy, tổng số tiền gốc, lãi phát sinh mà bà Huỳnh Kim A phải có trách nhiệm trả cho ông Phạm Tuấn K là 400.000.000 đồng + 60.866.667 đồng – 5.000.000 đồng = 450.866.667 đồng, là phù hợp với Điều 463, khoản 5 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[4]. Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Tuấn K được chấp nhận nên bà Huỳnh Kim A phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch sung ngân sách nhà nước là đúng quy định.

Ông Phạm Tuấn K không phải chịu án án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 91, 92, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 5 Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự; Khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Tuấn K về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bà Huỳnh Kim A.

Buộc bà Huỳnh Kim A phải thanh toán cho ông Phạm Tuấn K số nợ gốc 400.000.000 đồng và tiền lãi 50.866.667đồng, tổng cộng là 450.866.667 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

3. Về án phí:

Buộc bà Huỳnh Kim A phải nộp 22.034.640 đồng (Hai mươi hại triệu không trăm ba mươi bốn ngàn sáu trăm bốn mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung ngân sách nhà nước.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí cho ông Phạm Tuấn K đã nộp là 11.111.000 đồng theo biên lai thu số 6162 ngày 07/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm và tuyên án công khai, các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Thành viên Hội đồng xét xử **Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Chí Lin - Trần Thị Đổi **Văn Công Thức**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 3;
- Phòng THADS khu vực 3;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Văn Công Thức

[2]. Về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời:

Ngày 24/3/2025, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An (nay là Tòa án nhân dân khu vực 3 – Tây Ninh) ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2025/QĐ-BPKCTT về việc: Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với ông Đoàn Minh Cảnh liên quan đến quyền sử dụng đất tại các thửa số 815, 865, tờ bản đồ số 01 xã Đức Hòa Đông, Đức Hòa, Long An; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện do ông Đoàn Minh Cảnh đứng tên để đảm bảo công tác thi hành án là phù hợp quy định tại Điều 114, Điều 126 của Bộ luật Tố tụng dân sự.